TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚC THỌ, TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 47/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 - 12 - 2023
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀNỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Minh Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Nguyễn Thu Hương**
  Ông **Lê Xuân Sơn**

***Th ký phiên toà*:** Bà **Ngô Thị Mơ**, Th ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1984. Có mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội

- *Bị đơn*: Chị **Tô Thị S**, sinh năm 1985. Vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Xuân T và chị Tô Thị S có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P vào ngày 16/11/2010. Sau khi kết hôn, anh T về chung sống cùng gia đình chị S tại Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh T trình bày thì: Anh và chị S chung sống hạnh phúc bình thường với nhau được gần 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị S hỗn láo, thường xuyên chửi anh và đuổi anh đi. Khoảng năm 2013, anh đã bỏ đi mấy tháng sau đó vợ chồng lại về với nhau nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Năm 2017, anh đã làm đơn xin ly hôn chị S, sau đó anh lại rút đơn, vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Năm 2020, anh bị mổ u gan nhưng chị S không chăm sóc anh chu đáo. Trong

cuộc sống hàng ngày thì chị S không chịu nấu cơm, giặt giũ quần áo cho anh. Từ năm 2020, anh và chị S không ngủ chung cùng nhau. Chị S và bố mẹ chị S thường xuyên dùng những ngôn từ thậm tệ để chửi anh. Khoảng Tết năm 2021, anh ra ngoài thuê nhà ở riêng, còn mẹ con chị S vẫn ở nhà bố mẹ đẻ. Thi thoảng anh vào thăm con chứ giữa anh và chị S không còn quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị S không còn, thời gian mâu thuẫn kéo dài nhiều năm nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Nguyễn Anh Ph, sinh ngày 18/01/2014. Khi ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cháu Ph và giao cháu Th cho chị S nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay anh đang làm thợ cơ khí, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 7.000.000đ - 9.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với chị S, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị S không đến Toà án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Khi cán bộ Tòa án đến tại nơi cư trú hiện nay của chị S tại Tổ dân phố số 1, thị trấn P cũng không gặp được chị S nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai của chị S cũng như không tiến hành được thủ tục hòa giải để giải quyết vụ án ly hôn của anh T và chị S.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 27/10/2023, mẹ đẻ chị S là bà Kiều Thị Nh trình bày như sau: Năm 2010, chị S kết hôn cùng anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984 là người dân ở huyện Th, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, anh T về chung sống cùng gia đình bà tại Tổ dân phố số 1, thị trấn P. Vợ chồng chị S, anh T ở cùng nhà nhưng vợ chồng bà cho ăn riêng, ở riêng. Quá trình chung sống, anh T và chị S thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Nguyên nhân là do anh T không chịu tu chí làm ăn, chơi bời nên kinh tế gia đình khó khăn còn chị S tính tình cũng cục cằn, không khéo léo. Từ khoảng năm 2020 đến nay, anh T không sống cùng gia đình bà nữa mà ra ngoài ở riêng, vợ chồng anh T, chị S sống ly thân từ đó. Anh T có thỉnh thoảng vào thăm con chứ giữa vợ chồng anh T, chị S cũng không còn chuyện trò, quan tâm gì nhau nữa. Chị S hiện nay đi làm ở nội thành Hà Nội, thỉnh thoảng mới về. Thu nhập trung bình mỗi tháng của chị S khoảng 5.000.000đ. Anh T và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Th, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Anh Ph, sinh năm 2014. Hiện nay các cháu đều đang sống tại nhà bà và theo học tại trường THCS và trường tiểu học thị trấn P. Trong thời gian sống ly thân nhau, anh T thuê trọ và có quan hệ trai gái với người phụ nữ khác công khai lên mạng xã hội. Bà cũng biết tình hình vợ chồng anh T, chị S và cũng khuyên bảo các con nhưng không được. Chị S không còn tình cảm với anh T nhưng chị cũng mặc kệ cuộc sống như vậy để các con có bố, có mẹ. Chị S cũng không muốn hàn gắn với anh T.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị S và đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Anh Ph, sinh ngày 18/01/2014, giao cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 20/01/2012 cho chị S nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh T xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án đề nghị HĐXX xử cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Tô Thị S.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Ph, sinh ngày 18/01/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 20/01/2012 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có Quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T và chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh T xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân T. Bị đơn là chị Tô Thị S có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện P, Thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Tô Thị S là bị đơn, đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Xuân T và chị Tô Thị S kết hôn do tự nguyện. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P vào ngày 16/11/2010 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, anh T và chị S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh T trình bày do do chị S hỗn láo, thường xuyên chửi anh và đuổi anh đi. Khoảng năm 2013, anh đã bỏ đi mấy tháng sau đó vợ chồng lại về với nhau nhưng tình hình vẫn không thay đổi. Năm 2017, anh đã làm đơn ly hôn chị S sau đó rút đơn vợ

chồng về đoàn tụ với nhau. Năm 2020, anh bị mổ u gan nhưng chị S không chăm sóc chu đáo cho anh. Trong cuộc sống hàng ngày thì chị S không chịu nấu cơm, giặt giũ quần áo cho anh. Từ năm 2020, anh và chị S không ngủ chung cùng nhau. Chị S và bố mẹ chị S thường xuyên dùng những ngôn từ thậm tệ để chửi anh. Mẹ đẻ chị S là bà Kiều Thị Nh cũng xác định trong cuộc sống chung anh T và chị S thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Nguyên nhân là do anh T không chịu tu chí làm ăn, chơi bời nên kinh tế gia đình khó khăn còn chị S thì tình tình cục cằn, không khéo léo. Từ năm 2020 cho đến nay, anh T và chị S không còn chung sống cùng nhau nữa, anh T ra ngoài thuê nhà ở riêng. Vợ chồng không còn quan tâm, trò chuyện hay liên hệ gì với nhau. Chị S tuy không còn tình cảm và không muốn hàn gắn với anh T nhưng chị cũng mặc kệ cuộc sống như vậy để cho con cái có bố, có mẹ.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị S đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Tô Thị S.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị S có 02 con chung là cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 20/01/2012 và cháu Nguyễn Anh Ph, sinh ngày 18/01/2014. Khi ly hôn, anh T đề nghị được nuôi cháu Ph, giao cháu Th cho chị S nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi phải căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của các bên và nguyện vọng của các con để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của trẻ. Nguyện vọng được nuôi con của anh T là chính đáng. Tại phiên tòa, anh T khai sau khi ly hôn sẽ về quê ở xã Tr, huyện Th, Phú Thọ sinh sống, tại đó anh đã có đất nhà ở riêng. Theo bà Nh, mẻ đẻ chị S trình bày thì chị S đi làm ở nội thành Hà Nội, thu nhập trung bình khoảng 5.000.000đ/tháng, mẹ con chị S vẫn đang ở nhà của gia đình bà. Như vậy, chị S có đủ điều kiện nuôi con. Nguyện vọng của cháu Th là được sống cùng mẹ còn nguyện vọng của cháu Ph là được sống cùng bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Vì vậy, HĐXX thấy nên giao cho anh T và chị S mỗi người nuôi một con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh chị cũng như nguyện vọng của các cháu. Anh T và chị S đều có thu nhập và chỗ ở để đảm bảo cho việc nuôi con nên các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh T, chị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh T xác định không có nên không đề cập xem xét giải quyết. Nếu sau này chị S có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

+ Anh Nguyễn Xuân T được ly hôn chị Tô Thị S.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Anh Th, sinh ngày 20/01/2012 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Anh Ph, sinh ngày 18/01/2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T, chị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức và nợ: Anh T xác định không có nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này chị S có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013002 ngày 19/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Xuân T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Tô Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND thị trấn Phúc Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Minh Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**